

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA LẠI ĐỊA LÍ KHỐI 11
NĂM HỌC 2020-2021

*** Nội dung: Cộng hoà dân chủ nhân dân Trung Hoa; Khu vực Đông Nam Á; Thực hành**

I. CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

Vị trí địa lý và lãnh thổ

1. Vị trí địa lý

- Diện tích lớn thứ 4 thế giới, tiếp giáp với 14 nước, chiếm một phần Đông Á và Trung Á.
- Phía Đông giáp biển, mở rộng ra Thái Bình Dương.
- Gần các nước và khu vực có nền kinh tế năng động.
- Biên giới với các nước chủ yếu là núi cao và hoang mạc.

2. Lãnh thổ

- Cả nước có 22 tỉnh, 5 khu tự trị và 4 thành phố trực thuộc trung ương.
- Ven biển có 2 đặc khu hành chính là Hongkong và Macau.

Điều kiện tự nhiên

ĐKTN	Miền Tây	Miền Đông
Phạm vi	Từ 105°Đ vào sâu trong lục địa	Từ vùng duyên hải vào đến 105°Đ => Thuận lợi phát triển kinh tế
Địa hình, Đất đai	Núi và cao nguyên xen kẽ bồn địa. => Khó khăn cho đi lại và sản xuất	Địa hình thấp, đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất đai màu mỡ. => Dân cư tập trung đông, là vùng kinh tế trọng điểm.
Khí hậu	Ôn đới lục địa khắc nghiệt, hoang mạc và bán hoang mạc rộng lớn. => Khó khăn cho sản xuất nông nghiệp.	Chuyển từ nhiệt đới gió mùa sang ôn đới gió mùa, mưa nhiều vào mùa hạ. => Cơ cấu nông nghiệp đa dạng.
Sông ngòi	Là nơi bắt nguồn của những con sông lớn (Hoàng Hà, Trường Giang...) chảy về phía Đông. Sông nhiều nước. => Có giá trị kinh tế lớn.	Là trung và hạ nguồn của các con sông lớn. => Có giá trị về nhiều mặt: sản xuất, sinh hoạt, nhưng thường lụt lội vào mùa hạ.
Sinh vật	Rừng, đồng cỏ. => Chăn nuôi và khai thác lâm sản.	Cơ cấu cây trồng đa dạng.
Khoáng sản	Phong phú: dầu khí, than, sắt. => Phát triển công nghiệp.	Phong phú: dầu khí, than, kim loại màu. => Phát triển công nghiệp.

II. KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

Vị trí địa lý và lãnh thổ

- Phía Đông Nam châu Á.
- Hầu hết các nước đều giáp biển trừ Lào, giáp Biển Đông → Thái Bình Dương, giáp Andaman → Ấn Độ Dương
- Cầu nối nối lục địa Á-Âu với Australia, nối 2 đại dương: Thái Bình Dương → Ấn Độ Dương qua eo Malacca.

Đặc điểm tự nhiên Đông Nam Á

Đặc điểm	ĐNÁ lục địa	ĐNÁ biển đảo
Địa hình	- Núi cao, hướng TB-ĐN và B-N. - Châu bằng châu thổ và ven biển đất phù sa màu mỡ => trồng lúa, dân tập trung đông.	- Nhiều đồi núi và núi lửa. - Đồng bằng lớn ở các đảo Sumatra, Calimantan: đất phù sa, đất đỏ bazan màu mỡ => trồng cây công nghiệp.
Khí hậu	- Nhiệt đới gió mùa cận xích đạo. - Bắc Myanmar và Việt Nam có mùa đông lạnh.	- Nhiệt đới gió mùa, xích đạo, mưa nhiều.
Khoáng sản	- Nhiều loại: dầu, khí đốt, than, sắt, đồng, thiếc,... trữ lượng lớn. - Phân bố: + Dầu: Việt Nam, Indonesia, Brunei. + Khí đốt: Việt Nam, Thái Lan, Indonesia. + Than: Việt Nam, Indonesia. + Sắt: Việt Nam, Thái Lan, Malaysia. + Đồng: Philippin, Indonesia. + Thiếc: Việt Nam, Thái Lan, Malaysia.	

Đánh giá

Thuận lợi	
a. Nông nghiệp - Đất phù sa, đất đỏ bazan màu mỡ. - Khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều. - Sông ngòi dày đặc. => <i>Phát triển nông nghiệp nhiệt đới: lúa, cao su, cà phê, dừa, dầu cọ...</i> b. Kinh tế biển (trừ Lào) - Khai thác sinh vật biển (nhiều hải sản quý...). - Khai thác khoáng sản biển (dầu khí, muối...). - Giao thông vận tải biển (nhiều vũng, vịnh, nằm trên đường giao thông quốc tế...). - Du lịch biển đảo (nhiều bãi biển đẹp...). => <i>Kinh tế biển phát triển mạnh do có nhiều điều kiện thuận lợi nhưng cũng có nhiều hạn chế như thiên tai, môi trường ô nhiễm...</i>	c. Lâm nghiệp - Diện tích rừng lớn (Lào, Thái Lan, Indonesia, Myanma). - Rừng xích đạo, nhiệt đới ẩm, nhiều gỗ quý (lim, tect, nghiến...). => <i>Lâm nghiệp khá phát triển nhưng do khai thác không hợp lý và cháy rừng nên diện tích rừng đang bị thu hẹp.</i> d. Công nghiệp - Có nhiều tiềm năng về công nghiệp khai khoáng, công nghiệp chế biến sản phẩm từ nông, lâm, ngư nghiệp.
Khó khăn	Biện pháp
- Kê sát “vành đai lửa Thái Bình Dương” nên có nhiều hoạt động núi lửa, động đất, sóng thần... - Là nơi hoạt động của áp thấp nhiệt đới nên thường có bão, lũ lụt	- Cần phải khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý hơn. - Có biện pháp hiệu quả để phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai.

Nông nghiệp

1. Trồng lúa nước

- Lúa nước là cây lương thực truyền thống và quan trọng của khu vực, dựa trên những điều kiện thuận lợi (đất đai, khí hậu, lao động).
- Được trồng ở hầu hết các nước trong khu vực.
- Sản lượng lúa gạo không ngừng tăng lên, năm 2004 đạt 161 triệu tấn, đứng đầu là Indonesia 53,1 triệu tấn. Thái Lan và Việt Nam là hai nước xuất khẩu lúa gạo lớn nhất thế giới.

2. Trồng cây công nghiệp và cây ăn quả

	Điều kiện phát triển	Sản phẩm chính	Các quốc gia tiêu biểu
Trồng cây công nghiệp	Đất bazan, khí hậu nhiệt đới ẩm.	Cao su, cà phê, hồ tiêu.	Thái Lan, Malaysia, Việt Nam, Indonesia.
Trồng cây ăn quả	Đất đồi, đất vườn.	Cây ăn quả nhiệt đới.	Hầu khắp các nước trong khu vực.

Việt Nam là quốc gia xuất khẩu hồ tiêu, cà phê lớn nhất thế giới.

3. Chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản

	Điều kiện phát triển	Sản phẩm chính	Các quốc gia tiêu biểu
Chăn nuôi	Đất đồi, sông rạch. Sản phẩm của lương thực.	Trâu, bò, lợn. Các loại gia cầm: gà, vịt.	Myanmar, Indonesia, Thái Lan, Việt Nam.
Đánh bắt hải sản	Giáp biển.	Cá, tôm, mực.	Indonesia, Thái Lan, Philippin, Malaysia, Việt Nam.
Nuôi trồng thủy, hải sản	Nhiều vùng nước lợ, nước ngọt.	Cá, tôm, cua.	Hầu khắp các nước trong khu vực.

Chăn nuôi vẫn chưa trở thành ngành chính, sản lượng đánh bắt còn rất khiêm tốn so với các khu vực khác trên thế giới.

Các mục tiêu chính của ASEAN

- Thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của các nước phát triển.
- Xây dựng khu vực hòa bình, ổn định. Có nền kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển.
- Giải quyết các mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ và bất đồng, khác biệt giữa nội bộ với bên ngoài.
- ASEAN hướng tới “đoàn kết, hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển”

Cơ chế hợp tác của ASEAN

- Thông qua các hội nghị, các diễn đàn, các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, thể thao.
- Thông qua ký kết các hiệp ước song phương, đa phương hoặc các hiệp ước chung.
- Thông qua các dự án, chương trình phát triển.
- Xây dựng khu vực thương mại tự do.
- Thực hiện cơ chế hợp tác sẽ bảo đảm cho ASEAN đạt được các mục tiêu chính và mục tiêu cuối cùng là hòa bình, ổn định và cùng phát triển.

Thành tựu và thách thức của asean

Thành tựu	Thách thức	Giải pháp
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khối khá cao.	- Tăng trưởng không đều, trình độ phát triển chênh lệch dẫn tới một số nước có nguy cơ tụt hậu.	- Tăng cường các dự án, chương trình phát triển cho các nước có tốc độ phát triển kinh tế chậm hơn.
- Đời sống nhân dân đã được cải thiện.	- Một bộ phận dân cư có mức sống thấp, tình trạng nghèo đói là lực cản của sự phát triển, là nhân tố gây ra mất ổn định xã hội.	- Chính sách riêng ở mỗi quốc gia thành viên để xóa đói, giảm nghèo.
- Tạo dựng được môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực.	- Không còn chiến tranh, nhưng tình trạng bạo loạn, khủng bố ở một số quốc gia, gây nên mất ổn định cục bộ.	- Tăng cường hợp tác về chống bạo loạn, khủng bố. - Nguyên tắc hợp tác là không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. - Giải quyết tận gốc vấn đề bất bình đẳng xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA THI LẠI NĂM HỌC 2020 – 2021
MÔN: ĐỊA LÝ KHỐI: 11

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Các mức độ đánh giá				Tổng điểm
		<i>Nhận biết</i>	<i>Thông hiểu</i>	<i>Vận dụng thấp</i>	<i>Vận dụng cao</i>	
		TN	TN	TN	TN	
TRUNG QUỐC	- Tự nhiên, dân cư và xã hội. - Tập bản đồ	4	2	2		2,8
KHU VỰC ĐÔNG NAM Á	- Tự nhiên, dân cư và xã hội. - Tập bản đồ	3	1	3		4,2
	- Kinh tế	2				
	- Hiệp hội các nước ASEAN	1	2			
Số câu		10	5	5	-	
Số điểm		3,5	1,75	1,75	-	7
Tỉ lệ (%)		70%				

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

- Câu hỏi mở, bài luận hoặc sơ đồ tùy duy liên quan đến Trung Quốc hoặc Đông Nam Á.
Số câu: 1,0
Số điểm: 3,0 (Tỉ lệ 30%)

TỔNG	Số câu	Số điểm
TRẮC NGHIỆM	20	7,0
TỰ LUẬN	1,0	3,0

☺ CHÚC CÁC EM THI THẬT TỐT ☺